

**YẾU TỐ SÔNG NƯỚC
TRONG SỰ HÌNH THÀNH GIÁO XỨ CÔNG GIÁO
(Qua trường hợp Giáo xứ Tụy Hiền, Giáo phận Hà Nội)**

Tóm tắt: Giáo xứ Tụy Hiền là một giáo xứ thuộc Giáo hạt Mỹ Đức, Hòa Bình, giáo phận Hà Nội. Sau Công đồng Vatican II (1962-1965) và Thư chung 1980 của Hội đồng Giám mục Việt Nam, Công giáo Việt Nam đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Trong quá trình ấy, các yếu tố tự nhiên là một nền tảng quan trọng trong quá trình truyền giáo và hình thành giáo xứ mới. Với lịch sử hình thành và phát triển của mình, giáo xứ Tụy Hiền gắn liền với yếu tố sông nước đặc trưng của vùng đồng bằng Bắc Bộ. Bài viết này, sẽ phân tích, làm rõ vai trò của yếu tố sông nước trong sự hình thành, phát triển Giáo xứ Tụy Hiền.

Từ khóa: Công giáo, Giáo xứ Tụy Hiền; Văn hóa sông nước; Việt Nam.

Dẫn nhập

Tôn giáo và văn hóa là hai phạm trù quan trọng chi phối lẫn nhau trong đời sống. Theo Dawson một tôn giáo cần hội tụ đủ những yếu tố: niềm tin vào các lực lượng siêu nhiên hay các vị thánh thần; sự gắn kết với các lực lượng siêu linh thông qua các địa điểm và nghi lễ. [Nguyễn Quang Hưng, 2016], trong khi đó phạm trù văn hóa mang ý nghĩa bao hàm hơn. Theo định nghĩa của UNESCO năm 2001 “Văn hóa là tập hợp các đặc trưng tiêu biểu về tinh thần, vật chất, tri thức và xúc cảm của xã hội hoặc một nhóm người trong xã hội; văn hóa không chỉ bao gồm văn học và nghệ thuật, mà còn cả phong cách sống, phương thức chung sống, các hệ giá trị, truyền thống và niềm tin”[Khung thống kê văn hóa Unesco 2009 (FCS), 2009: 9]. Mỗi

* Nghiên cứu tự do về Việt Nam học

Ngày nhận bài: 03/11/2023; Ngày biên tập: 08/11/2023; Duyệt đăng: 16/11/2023.

quan hệ giữa văn hóa và tôn giáo thường được hiểu theo nghĩa hẹp, mang nghĩa vùng miền chẳng hạn “Văn hóa Bắc Bộ”, “Văn hóa Trung Bộ”, “Văn hóa Nam Bộ”. Tôn giáo khi đó là một thành tố quan trọng cấu tạo nên đời sống văn hóa tinh thần của các cộng đồng cư dân, được bao hàm trong văn hóa - “Văn hóa tôn giáo”.

Trong khi về mặt nghĩa rộng tôn giáo có thể bao hàm cả văn hóa như là “Văn hóa Việt Nam”, “Văn hóa Trung Quốc”, “Văn hóa Ấn Độ” [Nguyễn Quang Hưng, 2016], tức là tôn giáo đã đi sâu làm biến đổi các giá trị văn hóa quốc gia như: Nho giáo, Phật giáo hay Islam giáo. Trong lịch sử các nước phương Đông và Đông Nam Á, mối quan hệ tôn giáo và văn hóa từng được xác lập như vậy. Islam giáo ảnh hưởng đến thể chế ở Malaysia, Indonesia; Nho giáo như các nước phương Đông ở Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên và Việt Nam trong thời phong kiến; Phật giáo ở một số quốc gia Đông Nam Á: Myanmar, Thái Lan, Lào, Campuchia và Việt Nam.

Mặt khác, mối quan hệ giữa tôn giáo và văn hóa ở các quốc gia cũng có sự biến đổi dưới chiều hướng của quá trình tiếp biến văn hóa: Nho giáo và Công giáo ở Việt Nam trở lên nhẹ nhàng hơn; Islam giáo ở Đông Nam Á bớt cực đoan. Theo M. Planck “Giá trị của tôn giáo bao giờ cũng chỉ ra một cái gì bên ngoài bản thân nó”. Bởi vậy, giá trị tôn giáo “không bao giờ tự tát cạn trong bản thân” đứng trước văn hóa, tôn giáo “không tránh khỏi phải chịu những sự biến động”. Đó là sự thích nghi đặc biệt với nhiều hoàn cảnh lịch sử - xã hội khác nhau, dựa trên nền tảng vẫn giữ được hồn cốt của mình [Max Planck, 2014]. Quan niệm này của M. Planck ban đầu từ Kitô giáo sau đó được mở rộng lên bao hàm cho các tôn giáo nói chung. Có nghĩa rằng, những biến động trong mối quan hệ giữa tôn giáo và văn hóa là không thể nào tránh khỏi dẫn đến sự chuyển hóa lẫn nhau từ nghĩa rộng sang nghĩa hẹp và ngược lại trong từng giai đoạn khác nhau trong lịch sử. Chẳng hạn, trải qua lịch sử truyền giáo dài đầy biến động ở Việt Nam, Công giáo vẫn giữ được giá trị hồn cốt của mình đó là giá trị về mặt biểu tượng hay Đức tin trong cộng đồng giáo dân.

Có một thực tế, hoàn cảnh đời sống khó khăn miền rừng núi và sông nước bấp bênh rất nhiều các giáo xứ, giáo họ vẫn duy trì những

Đức tin của mình vào Thiên Chúa và thực hành văn hóa Công giáo. Điều gì đã khiến Công giáo bám rễ sâu vào bên trong mọi ngõ ngách của đời sống xã hội, điều này sẽ được chúng tôi lý giải thông qua quá trình hình thành giáo xứ.

Bài viết này sử dụng phương pháp liên ngành Tôn giáo học, Nhân học và tiếp cận lý thuyết tiếp biến văn hóa. Tác giả sử dụng phương pháp điền dã, quan sát, phân tích, tổng hợp tài liệu, so sánh, đối chiếu. Phạm vi điền dã tại giáo xứ Tụy Hiền trong khoảng thời gian từ đầu tháng 12/2022 đến hết tháng 02/2023. Ngoài ra, bài viết còn sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu ở khu vực giáo xứ Tụy Hiền. Đối tượng phỏng vấn sâu là cộng đồng giáo dân ở giáo xứ Tụy Hiền bao gồm giáo họ Hà Đoạn thuộc địa phận thôn Hà Đoạn, xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội; giáo họ Đông Mỹ thuộc thôn Đông Mỹ, xã An Tiến, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội; giáo họ Tiên Mai thuộc giáo xứ Tụy Hiền, giáo phận Hà Nội thuộc thôn Tiên Mai, xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội và giáo họ Sêu thuộc xã Đại Hưng, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội. Đối với tiêu chuẩn chọn mẫu là 10 cụ cao tuổi hiện nay còn minh mẫn ở giáo họ Tiên Mai, giáo họ Hà Đoạn, giáo họ Đông Mỹ, giáo họ Sêu thuộc giáo xứ Tụy Hiền, giáo phận Hà Nội và 30 thanh niên, người trung tuổi từ 20-50 tuổi ở giáo họ giáo họ Hà Đoạn và giáo họ Đông Mỹ thuộc giáo xứ Tụy Hiền, giáo phận Hà Nội.

1. Tiếp biến văn hóa và yếu tố sông nước tại giáo hạt Mỹ Đức, Hòa Bình

Giáo hạt Mỹ Đức, Hòa Bình bao gồm một phần huyện Mỹ Đức và huyện Ứng Hòa thuộc thủ đô Hà Nội và một phần tỉnh Hòa Bình. Trong đó, huyện Mỹ Đức còn lưu giữ được nhiều giá trị văn hóa đặc sắc từ nhiều thế kỉ trước. Hiện tại, trên địa bàn huyện có gần 200 di tích lịch sử, văn hóa, tôn giáo với 85 chùa, 44 đền, 68 đình và nhiều quán, miếu. Các di tích tiêu biểu có thể kể đến như là khu di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh chùa Hương; khu du lịch Quan Sơn; chùa Cao; đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng. Ở huyện Mỹ Đức, Công giáo là tôn giáo xuất hiện muộn. Những xáo trộn trong đời sống văn hóa tinh thần của người dân Mỹ Đức là minh chứng cho thấy tiếp biến văn hóa

giữa Công giáo và các loại hình tôn giáo, tín ngưỡng khác ở huyện Mỹ Đức đã bắt đầu diễn ra. Một minh chứng khác, ở khu vực giáo xứ Sơn Lãng, ban đầu nơi đây là làng Miêng Thượng để phân biệt với làng Miêng Hạ theo Phật giáo. Chúng tôi tin rằng Công giáo xuất hiện là nhân tố dẫn đến xu hướng tái định cư, những ngôi làng chài trở thành các giáo họ hoặc giáo xứ Công giáo dọc theo sông Đáy. Ngoài ra, xu hướng giao lưu giữa các làng cùng với việc tình trạng di dân và cải đạo từ Công giáo sang tôn giáo khác và ngược lại cũng đẩy mạnh quá trình tiếp biến văn hóa ở Mỹ Đức. Theo thống kê của huyện Mỹ Đức vào năm 2012, nơi đây có 12% dân số theo Công giáo. Công giáo đã rất nhanh chóng trở thành một phần quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần người dân huyện Mỹ Đức.

Ở khu vực Hòa Bình, đa phần là người Mường, sống gần gũi với tự nhiên: đồi núi đá vôi, sông Đà, hồ Thủy điện Hòa Bình. Hệ thống di tích ở Hòa Bình hiện nay chỉ khoảng 120 di tích, trong đó bao gồm nhiều di tích khảo cổ. Đời sống người dân ở đây đa phần còn nhiều khó khăn gắn liền với nghề chài lưới và làm nương rẫy. Các tôn giáo lớn khác chưa phổ biến ở khu vực này, đa phần là các tín ngưỡng nguyên thủy. Văn hóa Công giáo truyền bá đến nơi đây rất muộn, được ghi nhận chủ yếu là sau thế kỷ XX. Tiếp biến văn hóa Công giáo khiến đời sống văn hóa tinh thần nơi đây đã có nhiều thay đổi, điển hình là việc đưa nhiều đặc điểm thực hành văn hóa của người Mường vào trong sinh hoạt Công giáo như Cồng chiêng, múa sạp, múa dâng hoa,... Như vậy, dù trải qua nhiều khó khăn, tiếp biến văn hóa Công giáo ở giáo hạt Mỹ Đức, Hòa Bình đã diễn ra mạnh mẽ tác động đến các lớp trầm tích nằm sâu trong đời sống văn hóa tinh thần người dân.

Giáo xứ Tụy Hiền là một giáo xứ quan trọng trực thuộc giáo hạt Mỹ Đức, Hòa Bình có địa chỉ tại thôn Hiền Giáo, xã An Tiến, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội. Giáo xứ Tụy Hiền nằm trong vùng Phật giáo Hương Sơn và nằm cạnh dòng sông Đáy - nơi tiếp biến văn hóa diễn ra rất mạnh mẽ. Số giáo dân hiện nay của giáo xứ là 4300 (số liệu năm 2019). Linh mục quản xứ hiện nay là linh mục Anton Nguyễn Văn Độ. Giáo xứ Tụy Hiền nằm trên địa phận ba xã Đại Hưng, Đông Mỹ và Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội gồm bốn giáo họ trực thuộc: Giáo họ Đông Mỹ (thôn Đông Mỹ, An Tiến, Mỹ Đức,

Hà Nội) với 1545 giáo dân; Giáo họ Hà Đoạn (thôn Hà Đoạn, Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội) với 1300 giáo dân; Giáo họ Sêu (thôn Trinh Tiết, Đại Hưng, Mỹ Đức, Hà Nội) với 352 giáo dân (số liệu năm 2019); Giáo họ Tiên Mai (thôn Tiên Mai, Hương Sơn, Hà Nội) với 90 giáo dân (số liệu năm 2019) [Tư liệu điền dã tại giáo xứ, năm 2022-2023]. Trong giáo xứ Tụy Hiền giáo, họ Hà Đoạn và Đông Mỹ là hai giáo họ toàn tòng, có số lượng giáo dân chiếm đến hơn 90 %, số lượng người khác Công giáo trong làng chủ yếu tăng lên do quá trình di dân từ làng khác đến. Còn lại, giáo họ Hà Đoạn và giáo họ Sêu là những xóm đạo nhỏ xen kẽ với khu vực không theo Công giáo.

Không chỉ giáo xứ Tụy Hiền, đa phần các giáo xứ thuộc giáo hạt Mỹ Đức, Hòa Bình đều gắn liền với các con sông, hồ. Sông Đáy dài khoảng 240 km, lưu vực sông Đáy dài hơn 7.500 km², chảy qua đa phần giáo xứ ở khu vực Hà Nội thuộc giáo hạt Mỹ Đức, Hòa Bình. Sông Đà dài 927 km, diện tích lưu vực là 52.900 km², chảy qua một số giáo xứ ở khu vực Hòa Bình thuộc giáo hạt Mỹ Đức, Hòa Bình. Ngoài ra, còn có hồ Quan Sơn và đập thủy điện Hòa Bình. Một phần, giáo xứ Công giáo ở đây đều xuất thân từ các ngôi làng làm nghề chài lưới. Một phần, giáo hạt Mỹ Đức, Hòa Bình bao gồm các giáo xứ của người Mường ở tỉnh Hòa Bình và người Kinh ở Hà Nội, nên đa phần đời sống còn khó khăn, giao thông đi lại còn chưa phát triển. Việc gắn sông lớn, hồ, đường lớn thuận tiện hơn cho quá trình lưu thông, giao lưu văn hóa bởi khu vực này trước đây chủ yếu là rừng núi và các vùng đất cây cỏ rậm rạp.

Bảng 1: Yếu tố tự nhiên ở các giáo xứ trong giáo hạt Mỹ Đức, Hòa Bình

Giáo Xứ	Địa Chỉ	Yếu tố tự nhiên	Quá trình thành lập
Bắc Sơn	An Phú, Mỹ Đức, Hà Nội	Không gần sông. Có nhà thờ giáo xứ. Chủ yếu sống bằng nghề chài lưới.	Năm 1951, Giuse Nguyễn Văn Quế mua đất tại thôn Đông Văn dựng nhà nguyện bằng tre. Năm 1971, họ Đông Cả thuộc xứ Đông Chiêm tháp nhập vào họ Bắc Sơn cũ (giáo xứ Đông Gianh).

			Ngày 21/11/2020 thành lập tân giáo xứ.
Bến Cuối	Trung Sơn, Lương Sơn, Hoà Bình	Bên bờ sông Đà. Chưa có nhà thờ giáo xứ.	Thành lập cùng sự kiện giáo hạt Mỹ Đức, Hoà Bình ngày 21/11/2020.
Đoan Nữ	An Mỹ, Mỹ Đức, Hà Nội	Gần sông Đáy. Có nhà thờ giáo xứ.	Thành lập năm 1915
Đồn Vận	Liên Sơn, Lương Sơn, Hoà Bình	Bên bờ sông Đà, gần đường CT02. Chưa có nhà thờ giáo xứ.	Chưa có thông tin về quá trình thành lập.
Đồng Cháy	Cao Dương, Lương Sơn, Hoà Bình	Gần Hồ Tuy Lai, sông Đáy. Chưa có nhà thờ giáo xứ.	Thành lập năm 1948
Đồng Chiêm	An Phú, Mỹ Đức, Hà Nội	Không gần sông, gần hồ thủy điện Hòa Bình. Có nhà thờ giáo xứ.	Chưa có thông tin về quá trình thành lập.
Đồng Gianh	Phú Thành, Lạc Thủy, Hoà Bình	Không cạnh sông, gần hồ thủy điện Hòa Bình. Có nhà thờ giáo xứ.	Giáp đường Hồ Chí Minh. Thành lập năm 1907
Đồng Gọi	Hòa Sơn, Lương Sơn, Hoà Bình	Không gần sông. Chưa có nhà thờ giáo xứ.	Chưa có thông tin về quá trình thành lập.
Giang Soi	Đồng Tiến, Ứng Hòa, Hà Nội.	Bên bờ sông Đáy. Có nhà thờ giáo xứ.	Chưa có thông tin về quá trình thành lập.
Gò Mu	Hợp Thanh, Kim Bôi, Hoà Bình	Không gần sông. Có nhà thờ giáo xứ.	Giáp đường Hồ Chí Minh Thành lập năm 1937
Mường Cát	Xóm Mới Nang, Văn Nghĩa, Lạc Sơn, Hoà Bình	Không gần sông. Có nhà thờ giáo xứ.	Đến năm 1903, Giám mục Puginier đã chia xứ Lạc Thổ thành hai xứ: Mường Riệp và Mường Cát.
Mường Đôn	Xóm Đôn – Văn Nghĩa, Lạc Sơn, Hoà Bình	Không gần sông. Có nhà thờ giáo xứ.	Chưa có thông tin về quá trình thành lập.
Mường Tre	Hạ Bì, Lương Sơn, Hoà Bình	Không gần sông. Chưa có nhà thờ giáo xứ.	Trong khoảng những năm 1930.

Mường Riệp	Hướng Nghĩa, Lạc Sơn, Hoà Bình	Không gần sông. Có nhà thờ giáo xứ.	Đến năm 1903, Giám mục Puginnier đã chia xứ Lạc Thổ thành hai xứ: Mường Riệp và Mường Cắt.
Nghĩa Ai	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	Không gần sông, gần hồ Quan Sơn. Gần chợ Vài, trường học. Có nhà thờ giáo xứ.	Chưa có thông tin về quá trình thành lập.
Sơn Lãng	Hoà Sơn, Ứng Hoà, Hà Nội	Gần sông Đáy. Có nhà thờ giáo xứ.	Khi còn là giáo họ được đón Tin Mừng vào năm 1764 thuộc giáo xứ Đồng Chiêm. Năm 1918, được tách thành giáo xứ mới.
Thượng Lâm	Thượng Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	Gần sông Đáy. Có nhà thờ giáo xứ.	Thành lập trong khoảng cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.
Tụy Hiền	An Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	Cạnh sông Đáy. Có nhà thờ giáo xứ.	Vào khoảng giữa thế kỷ XVIII.
Vạn Thắng	Vạn Thắng, Mỹ Đức, Hà Nội	Sông Thanh Hà (sông tự nhiên trước đây góp nước ra sông Đáy).	Thành lập ngày 21/11/2020, được tách ra từ giáo xứ Tụy Hiền. Trước đây là giáo họ Vạn Thắng thuộc giáo xứ Tụy Hiền.
Vân Đình	21A Quang Trung, Thị trấn Vân Đình, Ứng Hoà, Hà Nội	Cạnh sông Đáy. Có nhà thờ giáo xứ.	Thành lập năm 1936
Vụ Bản	Vụ Bản, Lạc Sơn, Hoà Bình	Không gần sông. Không nhà thờ giáo xứ.	Tái thành lập 2011. Gần quốc lộ 12B
Xuy Xá	Xuy Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	Cạnh sông Đáy. Có nhà thờ giáo xứ.	Chưa có thông tin về quá trình thành lập.

Nguồn: Tác giả tổng hợp năm 2023

Cơ sở về lịch sử - xã hội của Việt Nam là một nước nông nghiệp quần cư trồng lúa nước, do vậy, nguồn nước đóng vai trò quan trọng bậc nhất đối với cư dân. Những vùng đất được bồi đắp bên cạnh các con sông lớn vô cùng màu mỡ, thuận lợi để trồng nhiều các loại cây

rau, củ khác nhau. Cá là nguồn thực phẩm quan trọng trong bữa ăn hàng ngày của người dân Việt Nam, bởi đặc trưng diện tích mặt biển, sông lớn; việc sống gần các con sông cũng là tận dụng nguồn lợi này. Việc bên cạnh các con sông lớn, vấn đề lũ lụt và đắp đê được ưu tiên hàng đầu, đắp đê cần nhiều người nên đã hình thành những khu vực quần cư trong lịch sử bên cạnh các con sông. Những lý do trên, chỉ ra các cư dân tập trung sinh sống chủ yếu ở các đồng bằng được bồi đắp ven các con sông lớn.

Về mặt sinh kế, những ngôi làng truyền thống khai thác thủy sản ở Việt Nam được hình thành dọc theo các vùng ven biển và trên các con sông lớn, cộng đồng này là các cộng đồng ngư dân khai thác thủy sản quy mô nhỏ - tức là các vựa chài. Ngoài ra, những con sông còn có thể đóng vai trò như là các cầu nối giữa các làng, biên giới tự nhiên thời kỳ trước đây (nhiều con sông, nhánh phụ của sông là biên giới tự nhiên giữa các làng, xã, huyện tỉnh). Các con sông thường gắn liền với những huyền bí không thể biết trước “đất có thổ công, sông có hà bá”. Tính chất công việc chài lưới lại là một nghề bấp bênh, nhiều khó khăn, nay đây mai đó, các chuyến đi có thể không lường trước được do điều kiện phương tiện còn thô sơ, các vùng nước chưa được khám phá hết, khí hậu thất thường, nhiều động vật nguy hiểm. Do vậy, đôi khi người ta cần một điểm tựa tinh thần để vượt qua. Những tôn giáo, tín ngưỡng chứa đựng sự kỳ bí, huyền ảo lại trở thành nơi phù hợp để làm điểm tựa tinh thần giúp người dân vượt qua khó khăn. Trước đây, những chuyến tàu lớn trên biển của người phương Tây thường có các linh mục đi cùng, một là để truyền giáo đến các vùng đất mới, hai là để đảm bảo tư tưởng cho thủy thủ đoàn. Sau này, ở các làng chài ven biển, trước mỗi chuyến đi họ sẽ làm lễ cúng thần biển để cầu mong sự bình an. Đối với các làng chài ven sông, họ sẽ tìm kiếm sự an tâm thông qua các vị thần linh khác (thần sông, Phật, Thiên Chúa). Công giáo Việt Nam dù là tôn giáo mới ở Việt Nam nhưng đã phát triển nhanh, mạnh để trở thành điểm tựa tinh thần cho nhiều làng chài ở Việt Nam. Từ đó, dẫn đến sự thành lập các ngôi làng Công giáo mới hay sự pha trộn giữa các ngôi làng của người cải đạo theo Công giáo và những làng không theo Công giáo. Thực tế, sự hình thành và phát triển của Công giáo ở Việt Nam dựa nhiều trên nền tảng thông thương

từ các con sông, đường biển là phổ biến với rất nhiều mô hình làng chài Công giáo dọc các sông lớn và biển.

2. Sự hình thành của giáo xứ Tuy Hiền gắn với yếu tố sông nước

Điều kiện tự nhiên ở giáo xứ Tuy Hiền có nhiều thuận lợi để hình thành các cụm dân cư sớm do nơi đây có nhiều hang động, sông và đồi núi thấp. Cụ thể, về mặt khảo cổ khu vực này trước đây từng xuất hiện nhiều dấu tích của người xưa như trong “Theo dòng lịch sử” của tác giả Trần Quốc Vượng đã chép: “Hang Sừng Sằm, hang mái đá Sập Bon thôn Đục Khê các công cụ lao động bằng đá, cùng những dấu tích khác của người Việt cổ (thời đại đồ đá). Những công cụ bằng đồng ở Thung Vương, đầu Cành Giát (thời đại đồ Đồng) thuộc nền văn hóa Đông Sơn [Trần Quốc Vượng, 1996: 140-148]. Và cả rất nhiều dấu tích khác ở khu vực Hương Sơn - Tuyết Sơn” [Trần Quốc Vượng, 1996: 120-125]. Vào năm 1986, nhân dân Hương Sơn khi đang làm thủy lợi ở cạnh khu đền Ngũ Nhạc phát hiện các công cụ bằng đồng như lưỡi rìu, mũi tên, mũi xéo, tiền đồng, hạt trang sức bằng đá và một bộ phận xương người Việt cổ. Các hiện vật tìm thấy qua khai quật và làm thủy lợi đã minh chứng về cuộc sống của con người trên địa bàn xã Hương Sơn ở “thời đại đồ đá mới” và “thời đại đồ đồng” [Tổng Giáo phận Hà Nội, 2022]. Ngoài ra, nhiều cư dân ở khu vực rừng núi Hương Sơn đào củ mài, hái mơ rừng ở từ rất sớm từ khoảng sau thế kỷ XV. Theo chúng tôi, những cư dân có thể là người ở khu vực Hòa Bình - được người dân xã Hương Sơn gọi là người “Đông Chiêm” di chuyển sang chùa Hương bằng đường núi. Ngoài ra, những tu sĩ cũng là một lực lượng quan trọng xuất hiện ở khu vực này sau thế kỷ XV xây dựng chùa để tu hành sau khi vua Lê Thánh Tông bắt đầu cho xây chùa. Bởi trên thực tế, người dân thôn Hội Xá, thuộc xã Hương Sơn được ghi nhận những dấu tích liên quan đến khu vực này vào năm 1860 khi họ bắc cầu Hội bằng gỗ lim để đi lại giữa hai bên suối [Nguyễn Tuấn Anh, 2012: 17]. Khu vực chùa Hương trước đây rất rậm rạp, muốn đến được cần vượt qua dòng suối Yến (trong quá khứ suối Yến khá nhỏ và hẹp mới được mở rộng cách đây mấy chục năm). Do vậy, lễ hội

chùa Hương đầu tiên được mở lớn chính thức là vào năm Bính Thân, vua Thành Thái thứ 8 (năm 1896) sau thời điểm huyện Mỹ Đức được thành lập: “Năm 1880, vua Tự Đức lập đạo Mỹ Đức. Năm Đồng Khánh thứ 3 (năm 1888), triều đình bỏ đạo, lập phủ Mỹ Đức với bảy tổng, trong đó có tổng Phù Lưu Thượng. Trong việc lập phủ Mỹ Đức, tổng Phù Lưu Thượng - phủ Ứng Thiên trước đây được tách làm hai và cùng mang tên gọi là tổng Phù Lưu Thượng. Ở phủ Ứng Hòa, tổng Phù Lưu Thượng gồm tám thôn, xã. Với phủ Mỹ Đức, tổng Phù Lưu Thượng có bảy thôn xã là: Bạch Độc, Độc Khê, Yên Vỹ, Hội Xá, Đường An, thôn Thượng, Chợ Bến và phường Hà Đoạn” [Tổng Giáo phận Hà Nội, 2023].

Bởi vậy, lịch sử hình thành và phát triển giáo xứ Tụy Hiền gắn liền với dòng sông Đáy và các phụ lưu của nó. Sông Đáy là một trong năm con sông dài nhất ở miền Bắc của Việt Nam (Hồng, Đà, Lô, Cầu, Đáy) có ý nghĩa đặc biệt quan trọng với giáo xứ Tụy Hiền. Sông Đáy có chiều dài khoảng 240 km, lưu vực sông Đáy dài hơn 7.500 km² [Trang thông tin điện tử huyện Mỹ Đức, 2023] trải dài trên các địa bàn thủ đô Hà Nội và các tỉnh Hòa Bình, Hà Nam, Ninh Bình và Nam Định. Ở Hà Nội, sông Đáy chảy qua địa bàn các huyện bao gồm: Thanh Oai, Ứng Hòa, Chương Mỹ, Mỹ Đức với chiều dài khoảng vài chục cây số. Ở khu vực giáo xứ Tụy Hiền có một phụ lưu khá nổi tiếng của sông Đáy đó là suối Yên, chùa Hương. Ở giáo xứ Tụy Hiền, sông Đáy chảy qua khu vực giáo họ Hà Đoạn, giáo họ Tiên Mai, giáo họ Sêu, giáo họ Đông Mỹ thì gắn với một nhánh sông tên là Thanh Hà - sông tự nhiên chảy ra sông Đáy. Các giáo họ Công giáo ở giáo xứ Tụy Hiền nằm dọc theo con sông Đáy, xuôi dần xuống hạ lưu: làng Sêu, giáo họ Sêu ở xã Đại Hưng, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội; giáo họ Hà Đoạn ở thôn Hà Đoạn, xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội; và giáo họ Tiên Mai ở thôn Tiên Mai, xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội. Giáo họ Đông Mỹ thuộc giáo xứ Tụy Hiền thì có dòng sông Thanh Hà chảy qua (là một dòng sông tự nhiên góp nước ra sông Đáy, ngày nay chỉ còn là một lạch nước nhỏ).

Về mặt vị trí dòng chảy tiếp biến văn hóa, nơi đây nằm trong vùng Phật giáo lớn chùa Hương nên từ lâu được nhiều ưu tiên trong quá trình truyền giáo. Theo những tài liệu Công giáo được lưu truyền

trong giáo xứ Tuy Hiền, nơi đây bắt đầu được đón nhận Tin Mừng từ giữa thế kỷ XVIII muộn hơn nhiều so với sự xuất hiện dấu ấn Phật giáo từ thế kỷ XV- sau chuyến tuần du phương Nam lần thứ hai (năm 1467) của vua Lê Thánh Tông cùng sự tích Bà Chúa Ba [Nguyễn Tuấn Anh, 2012: 1]. Tuy nhiên, những bằng chứng mà chúng tôi nêu ra phía trên và sau đây cho thấy rằng những ngôi làng Công giáo ở giáo xứ Tuy Hiền xuất hiện sau khi huyện Mỹ Đức thành lập và quá trình truyền giáo có thể diễn ra trên những con thuyền chài. Theo tài liệu phỏng vấn được biết: “Thời ông, bố, của tôi được chia đất đến khu vực này để định cư trước đó vùng này là vùng đầm cỏ rậm rạp”, “Trước đây, làng Yên có cái đầm nằm dọc theo chiều dài ngôi làng nối với suối Yên, mới được lấp lại trong khoảng chục năm trở lại đây do bị ô nhiễm với phục vụ giao thông đi lại” [pvs, ông Bùi Văn D. 61 tuổi, xóm 5, thôn Yên Vĩ, 2022]. Ngoài ra, còn có những sự tích thời mới thành lập xã Hương Sơn được ghi nhận bao gồm “*Khu Sao Sa lăm cụ*” (*hồ báo*), “*Mô đất trụ lăm hùm tinh*”, “*Nền đình lăm chó sói*” cho thấy nơi đây từng là rừng xanh, đầm lầy, nhiều muông thú [Tổng Giáo phận Hà Nội, 2022]. Gia phả họ Bùi ở thôn Yên Vĩ, xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức cũng chỉ ra nơi đây trước kia là một vùng đất hoang rậm rạp. Gia phả nói rằng họ Bùi ở đây nguồn gốc từ họ Bùi Văn gốc ở tỉnh Thanh Hóa đã trải qua được 11 đời. Tuy nhiên, vẫn có điểm chưa thỏa đáng đó là 11 đời được tính từ thời điểm di dân từ Thanh Hóa hay từ khi bắt đầu ở vùng Hương Sơn. Họ Bùi ở khu vực Nho Quan, Ninh Bình được ghi nhận mới di cư đến đó cách đây khoảng 400 - 500 năm. Nếu tính trung bình một đời là 50 năm thì có thể cách đây khoảng hơn 400 - 500 năm họ Bùi ở Thanh Hóa đã di cư từ Thanh Hóa đến Ninh Bình rồi đến khu vực này. Hoặc là di cư đến vùng Hòa Bình sau đó khi huyện Mỹ Đức được thành lập, họ mới di cư đến vùng Hương Sơn này để khai hoang. Như vậy, việc truyền giáo ở vùng đất này đã diễn ra trên những con thuyền chài. Ông Đình Văn T. cũng chia sẻ rằng: “Trước đây, ở Hà Đoạn vốn là làng chài nhỏ nơi để họ neo đậu thuyền đó, tránh trú mưa gió lâu dần thì thành xóm, thành làng”. Ngoài ra, làng Đông Mỹ (giáo họ Đông Mỹ) cũng chỉ mới được hình thành vào khoảng giữa thế kỷ XX, sau đợt cải cách ruộng đất ở miền Bắc năm 1956 [pvs, nam, Trần Văn Đ. 24 tuổi, xã An Tiến, huyện Mỹ Đức, 2022]. Sự bồi đắp lâu dài của dòng sông

Đáy đã hình thành các vùng đất ven sông màu mỡ cũng là một phần quan trọng làm nền tảng cho các ngôi làng Công giáo mới ở giáo xứ Tụy Hiền thành lập dọc theo dòng sông Đáy. Như vậy, sau khi huyện Mỹ Đức thành lập, các chính sách đất đai, tái định cư được ban hành giúp các cư dân làng chài sống trên dòng sông Đáy có thể định cư trên bờ và hình thành các làng mới với nền tảng Công giáo đã được truyền bá từ trước.

Một lý do quan trọng khác, nghề nghiệp chính của các cư dân thuộc giáo xứ Tụy Hiền trước đây là chài lưới trên sông Đáy và hệ thống phụ lưu sông Đáy. Làng Hà Đoạn, làng Sêu, một số cư dân Tiên Mai trước đây vốn nghề chài lưới trên khu vực sông Đáy. Cái tên làng Hà Đoạn có nghĩa là một đoạn của con sông cũng mang nhiều dấu ấn của sông nước. Ông Nguyễn Văn D. chia sẻ “Trước đây nghề đánh cá phổ biến ở thôn Hà Đoạn, người dân ở đây thường sống trên các con thuyền và đến đây trú mưa bão, lâu dần được chính quyền tái định cư thành làng Hà Đoạn”, “Khu vực làng Sêu (Trình Tiết và Tiên Mai) cũng có nhưng không nhiều bằng”. Ngày nay, do ô nhiễm môi trường khiến nguồn lợi thủy sản suy giảm và quá trình biến đổi sinh kế nên “đa phần chỉ còn là nghề phụ làm những lúc nhàn rỗi hoặc mưa lớn xong” [pvs, nam, Nguyễn Văn C. 45 tuổi, giáo họ Hà Đoạn, 2022] nên chúng ta không còn thấy rõ rệt nữa. Một nơi mà kinh tế còn nhiều khó khăn, bấp bênh trên sông nước mỗi ngày cũng là lý do khiến cộng đồng ngư dân cần một điểm tựa tinh thần. Công giáo khi đó đang lan truyền sự ảnh hưởng của mình trên khắp Việt Nam đã nắm bắt thời cơ để trở thành tôn giáo chính của cộng đồng giáo dân trên những con thuyền chài.

Cuối cùng, sông Đáy và hệ thống phụ lưu không chỉ là cầu nối giao lưu văn hóa giữa các làng Công giáo ở giáo xứ Tụy Hiền với nhau, mà còn với các làng Công giáo khác. Chẳng hạn, sự giao lưu giữa giáo họ Đình Xuyên và giáo họ Sêu thông qua các cây cầu phao bắc qua sông Đáy. Giáo họ Đình Xuyên, giáo xứ Vân Đình mới được thành lập từ năm 1936 thuộc thôn Đình Xuyên, xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, Hà Nội: “Từ rất sớm, ngay từ những ngày đầu công nguyên, vùng đất Hòa Nam đã có cư dân sinh sống. Những tên nôm như Kẻ Rành (Nam Dương), Kẻ Đanh (Đình Xuyên), Kẻ Dừa (Đư

Xá). Giáp với sông Đáy và quốc lộ 21B, Hòa Nam có nhiều thuận lợi về giao thông (cả bộ và thủy) cũng như có vị trí quan trọng về quân sự. Vì vậy, từ thế kỷ XVI nhà Mạc đã cho quân đồn trú tại đây. Nằm dọc sông Đáy nên Hòa Nam có đất đai màu mỡ, nguồn nước tưới dồi dào, nhưng cũng thường đối mặt với nguy cơ lũ lụt.” [Hà Văn Tấn, 2023]. Anh Nguyễn Cao C. chia sẻ “Trước đây, sự giao lưu giữa hai bờ qua cầu phao bắc qua sông Đáy diễn ra rất phổ biến, giờ đây có nhiều lối đi khác được mở nên khu vực này đã ít đi nhiều”. Thực tế, trên khu huyện Mỹ Đức có rất nhiều cây cầu bắc qua dòng sông Đáy với các cầu bằng bê tông như là cầu Phùng Xá, cầu Đục Khê, cầu Tế Tiêu, cầu Hội Xá, cầu Nhật và các cây cầu phao: “Trên đoạn sông này có tới hơn 20 chiếc cầu phao. Đến nay, chỉ còn 10 cầu tồn tại”. Các cây cầu này chỉ có cầu phao Tràng Cát bắc qua sông Đáy nối xã Kim An (Thanh Oai) với xã Hoàng Diệu (Chương Mỹ). Còn lại đều nằm trên địa bàn các xã của hai huyện Ứng Hòa (bên tả Đáy) và Mỹ Đức (bên hữu Đáy), gồm: Cầu Viên Nội (Viên Nội, Bọt Xuyên); cầu Tía (Cao Thành, Bọt Xuyên); cầu Kênh Đào (Sơn Công, An Mỹ); cầu Áng Hạ (Sơn Công, Lê Thanh); cầu Lai Xá (Đông Tiến, Xuy Xá); cầu Phù Lưu Tế (Vạn Thái, Phù Lưu Tế); cầu Đanh (Hòa Nam, Đại Hưng); cầu Chợ Sâu (Hòa Phú, Đại Hưng); cầu Vạn Kim (Phù Lưu, Vạn Kim)”. Những chiếc cầu và nghề chài lưới trở thành cầu nối giữa các làng Công giáo với nhau. Thậm chí, nó còn là cầu nối giữa các làng Công giáo với làng Việt truyền thống “nửa kín nửa hở”, quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa này là xu thế tất yếu khách quan giúp cộng đồng giáo dân vừa duy trì những nét đẹp trong văn hóa Công giáo cũng như nét đẹp của làng Việt cổ truyền.

Tựu chung, sự giao thoa Công giáo ở Việt Nam bắt đầu từ sự giao thoa giữa các làng xã và tiếp biến với các giá trị văn hóa tín ngưỡng. Với hai xu hướng này chi phối chính quá trình truyền giáo ở Việt Nam và sự phân chia lương - giáo ở một số ngôi làng Bắc Bộ Việt Nam. Nền tảng của sự hình thành và phát triển các làng Công giáo Việt là áp dụng điểm tương đồng trong văn hóa Việt để truyền giáo như là mượn sự gần gũi giữa Đức mẹ Maria và tín ngưỡng thờ Mẫu-Nữ thần ở Việt Nam; sử dụng yếu tố sông nước để lan tỏa và đẩy

manh quá trình truyền giáo ở những vùng đông dân cư. Quá trình tiếp biến văn hóa làm cơ sở cho sự lan tỏa Công giáo đến với những vùng xa xôi hơn.

KẾT LUẬN

Giáo xứ Tụy Hiền, giáo phận Hà Nội là một bộ phận quan trọng của giáo hội Công giáo Việt Nam. Trải qua quá trình dài Công giáo Việt Nam đã dần phát triển tiếp nhận một số thành tố văn hóa truyền thống của người Việt. Trên nền tảng văn hóa làng xã Việt, Công giáo đã thích nghi để có thể đi sâu vào mọi ngõ ngách trong đời sống xã hội nhưng vẫn giữ được cái hồn cốt của mình. Trong xã hội Việt Nam từ trước đến nay, văn hóa sông nước là một phần quan trọng trong đời sống mỗi người dân và đặc biệt là những cư dân vạn chài. Từ nguồn gốc là những ngôi làng chài nhỏ ven sông Đáy, những giáo họ Công giáo toàn tông mới đã được hình thành trên nền tảng là quá trình khai hoang sau khi huyện Mỹ Đức được thành lập vào cuối thế kỷ XIX. Quá trình tái định cư và nghề cá truyền thống trên dòng sông Đáy và các nhánh phụ lưu lâu dần đã tăng cường sự giao lưu giữa các giáo họ, hình thành nên giáo xứ Tụy Hiền như ngày nay.

Không phải ngẫu nhiên Tụy Hiền sớm trở thành vị trí trọng điểm trong công tác truyền giáo của giáo hội ở Việt Nam. Chính sông Đáy đã bồi đắp nên những vùng đất màu mỡ để ngôi làng Công giáo mới trong giáo xứ Tụy Hiền từ đó được thành lập. Vận dụng đặc trưng trong văn hóa sông nước Việt cùng với sự gần gũi của Đức mẹ Maria với tín ngưỡng thờ Mẫu đã giúp Công giáo trở thành điểm tựa tinh thần đặc biệt quan trọng trong cộng đồng giáo dân vốn trước đây làm nghề chài lưới bấp bênh. Cuối cùng, dòng sông Đáy lan tỏa văn hóa giữa các làng Công giáo ở giáo xứ Tụy Hiền với nhau và cả những ngôi làng Công giáo khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tuấn Anh (2012), *Di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh chùa Hương*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
2. Cổng thông tin điện tử xã Ứng Hòa, *Lịch sử hình thành xã Ứng Hòa*, Truy cập https://unghoa.hanoi.gov.vn/gioi-thieu-chung?ppid=xemtintucWAR_han6subportalportlet_INSTANCE_hT1i64bA9NPE

- &p_p_lifecycle=0&p_p_state=normal&p_p_mode=view&p_p_col_id=column-1&p_p_col_pos=1&p_p_col_count=2&_xemtintuc_WAR_han6subportalportlet_INSTANCE_hT1i64bA9NPE_jspPage=%2Fhtml%2Fcms%2Fportlet%2Ffrontend%2Ftintuctheochuyenmuc%2Fview.jsp&p_p_id=hT1i64bA9NPE&_xemtintuc_WAR_han6subportalportlet_INSTANCE_hT1i64bA9NPE_currentTransPage=0&_xemtintuc_WAR_han6subportalportlet_INSTANCE_hT1i64bA9NPE_articleId=147722, truy cập ngày 17/06/2023.
3. Nguyễn Hồng Dương (2016), *Những nẻo đường phúc âm hóa Công giáo ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
 4. *Địa danh sông Đáy*, <https://nguoikesu.com/dia-danh/song-day>, truy cập ngày 27/04/2023.
 5. Hội đồng giám mục Việt Nam (2005), *Niên giám năm 2005*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
 6. Nguyễn Quang Hưng, *Tôn giáo và văn hóa: Quan niệm của C.Dawson*, <http://www.trungtamtongiaovn/pgs-ts-nguyen-quang-hung-ton-giao-va-van-hoa-quan-niem-cua-c-dawson/433>, truy cập ngày 28/02/2023.
 7. *Khung thống kê văn hóa Unesco 2009 (FCS)*, (2009). Xuất bản do Viện thống kê UNESCO (UIS), Canada. Pdf.
 8. Max Planck (2014), *Tôn giáo và khoa học tự nhiên*, https://www.chungta.com/nd/tu-lieu-tra-cuu/ton_giao_va_khoa_hoc_tu_nhien.html, truy cập ngày 17/06/2023.
 9. Bùi Trung Thành (2023), “Thực hành văn hóa Công giáo của giáo dân ở giáo xứ Tuy Hiền, giáo phận Hà Nội sau Thư chung của Hội đồng Giám mục Việt Nam năm 1980”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, Quyển 25, Số 1/2023.
 10. Bùi Trung Thành (2023), “Thực hành văn hóa hôn lễ của cộng đồng giáo dân ở giáo xứ Tuy Hiền, Giáo phận Hà Nội sau Thư chung của Hội đồng Giám mục Việt Nam năm 1980”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học “Nghiên cứu, đào tạo Việt Nam học theo định hướng liên ngành”*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, Tr.270-283.
 11. Thư chung của Hội đồng giám mục Việt Nam năm 1980.
 12. Trần Quốc Vượng (1998), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
 13. Trần Tam Tinh (1988), *Thập giá và lưỡi gươm*, Nxb. Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
 14. Trần Quốc Vượng (1996), *Theo dòng lịch sử*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
 15. Trần Quốc Vượng (1998), *Việt Nam cái nhìn địa văn hóa*, Nxb. Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội.
 16. Hà Văn Tấn, <https://his.ussh.vnu.edu.vn/vi/news/bai-chuyen-duyet-thanh-vien-nhom-cong-tac-vien/lang-lien-lang-va-sieu-lang-may-suy-nghi-ve-phuong-phap-5706.html>, truy cập ngày 10/06/2023.

17. Trang thông tin điện tử xã Hương Sơn, *Lịch sử hình thành xã Hương Sơn*, <http://huongson.myduc.hanoi.gov.vn/lich-su-hinh-thanh>), truy cập ngày 17/06/2023.
18. Trang thông tin điện tử huyện Mỹ Đức, *Lịch sử hình thành huyện Mỹ Đức*, <http://myduc.hanoi.gov.vn/>, truy cập ngày 17/06/2023.
19. Tổng giáo phận Hà Nội, *Giáo phận Hà Nội*, <https://www.tonggiaophanhanoi.org/luoc-su-tong-giao-phan-ha-noi/>, truy cập ngày 10/06/2022.
20. Tổng giáo phận Hà Nội, *Giáo xứ Tuy Hiền*, Truy cập <https://www.tonggiaophanhanoi.org/giao-xu-ke-sai/>, truy cập ngày 10/06/2023.
21. Tư liệu điền dã, phỏng vấn ở giáo xứ Tuy Hiền, giáo phận Hà Nội, 2022.

Abstract

RIVER FACTOR IN THE FORMATION OF A CATHOLIC PARISH (The case of Tuy Hien Parish, Hanoi Diocese)

Bui Trung Thanh

Freelance researcher

Tuy Hien (My Duc, Hoa Binh) is a parish of the Hanoi diocese. Since the Second Vatican Council (1962-1965) and the Pastoral Letter 1980 of the Vietnam Bishops' Conference, Vietnamese Catholicism has had strong developments. In that process, natural elements are an important foundation of evangelization and the formation of new parishes. Tuy Hien parish is closely associated with the river element of the Red River Delta. This article will analyze and clarify the role of river factors in the formation and development of Tuy Hien Parish.

Keywords: Catholicism, Tuy Hien Parish; River culture; Vietnam.